

TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



KẾT CẤU NỘI DUNG

- Cầu tiền tệ
- CSTT & CSTC trong mô hình ISLM
- Phân tích tổng cung & tổng cầu
- Tiền tệ & lạm phát

cuu duong than cong. com



CẦU TIỀN TỆ

- Các lý thuyết về cầu tiền tệ
- Cách xác định lượng cầu tiền

cuu duong than cong. com



CÁC LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

1. Những lý thuyết cho rằng lãi suất không có ảnh hưởng đến cầu tiền
 - *Học thuyết số lượng tiền tệ*
 - *Trường phái Cambrige (Anh)*
2. Những lý thuyết nhấn mạnh tầm quan trọng của lãi suất
 - *Thuyết ưa thích tiền mặt của Keynes*
 - *Học thuyết số lượng tiền tệ của Friedman*

cuuduongthancong.com



HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ

1. Nhóm các nhà kinh tế cổ điển: Irving Fisher, Alfred Marshall & A. C Pignon
2. Thời gian trong thế kỷ 19 & đầu 20
3. Nội dung
 - Cầu tiền tệ là một hàm số của thu nhập & không chịu ảnh hưởng của lãi suất
 - Công thức: $M = (1/V) * PY$
 - M là số lượng tiền tệ
 - V là tốc độ chu chuyển của tiền
 - Y là tổng sản phẩm
 - P là mức giá cả



TRƯỜNG PHÁI CAMBRIDGE ANH

1. Có công thức tính lượng cung tiền như Irving Fisher
2. Đã quan tâm đến ý muốn giữ tiền của Công chúng nhưng không cho là có ảnh hưởng đến cầu tiền
3. Cho rằng có 2 thuộc tính thúc đẩy người ta muốn giữ tiền
 - *Tiền là một phương tiện thanh toán*
 - *Tiền là một phương tiện cất trữ*



THUYẾT ƯA THÍCH TIỀN MẶT CỦA JOHN MAYNARD KEYNES

1. Quan điểm nhấn mạnh vai trò của lãi suất trong việc xác định cầu tiền tệ
2. Cho là có 3 động cơ khiến người ta giữ tiền
3. Cầu tiền phụ thuộc vào cả thu nhập (Y) & lãi suất (i)
4. Phương trình xác định cầu tiền của Keynes được gọi là hàm số ưa thích tiền mặt

$$M^D/P = f(i, Y)$$

Trong đó M^D có quan hệ nghịch với (i)
& thuận với (Y)



HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ CỦA MILTON FRIEDMAN

1. Có cách tiếp cận tương tự như Keynes & các nhà kinh tế học Cổ điển nhưng đi sâu vào ảnh hưởng của lãi suất đến cầu tiền đầu tư
2. Công thức thể hiện những phân tích của Friedman

$$M^D/P = f(Y_P, r_b - r_m, r_e - r_m, \pi^e - r_m)$$

M^D/P : cầu về tiền mặt thực tế

r_b : lợi tức dự tính về trái khoán

π^e : tỷ lệ lạm phát dự tính

Y_P : thu nhập thường xuyên

r_e : lợi tức dự tính về vốn cổ phần

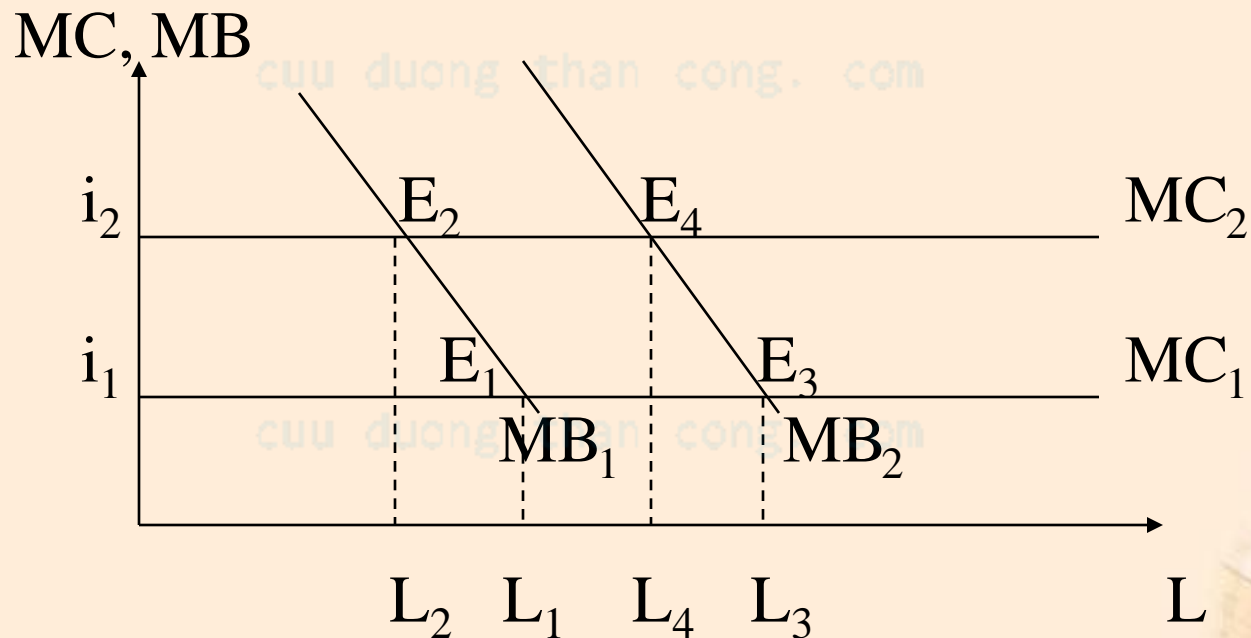
r_m : lợi tức dự tính về tiền mặt

(Trong đó chỉ có biến Y_P là có quan hệ thuận với M^D/P)

XÁC ĐỊNH LƯỢNG CẦU TIỀN

1. Căn cứ \rightarrow chi phí biên (MC) = lợi ích biên (MB) của việc giữ tiền

2. Đồ thị



(L khối lượng tiền thực tế được giữ)



CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ & CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TRONG MÔ HÌNH ISLM

1. Mô hình ISLM

- *Đồ hình chéo của Keynes*
- *Mô hình ISLM*

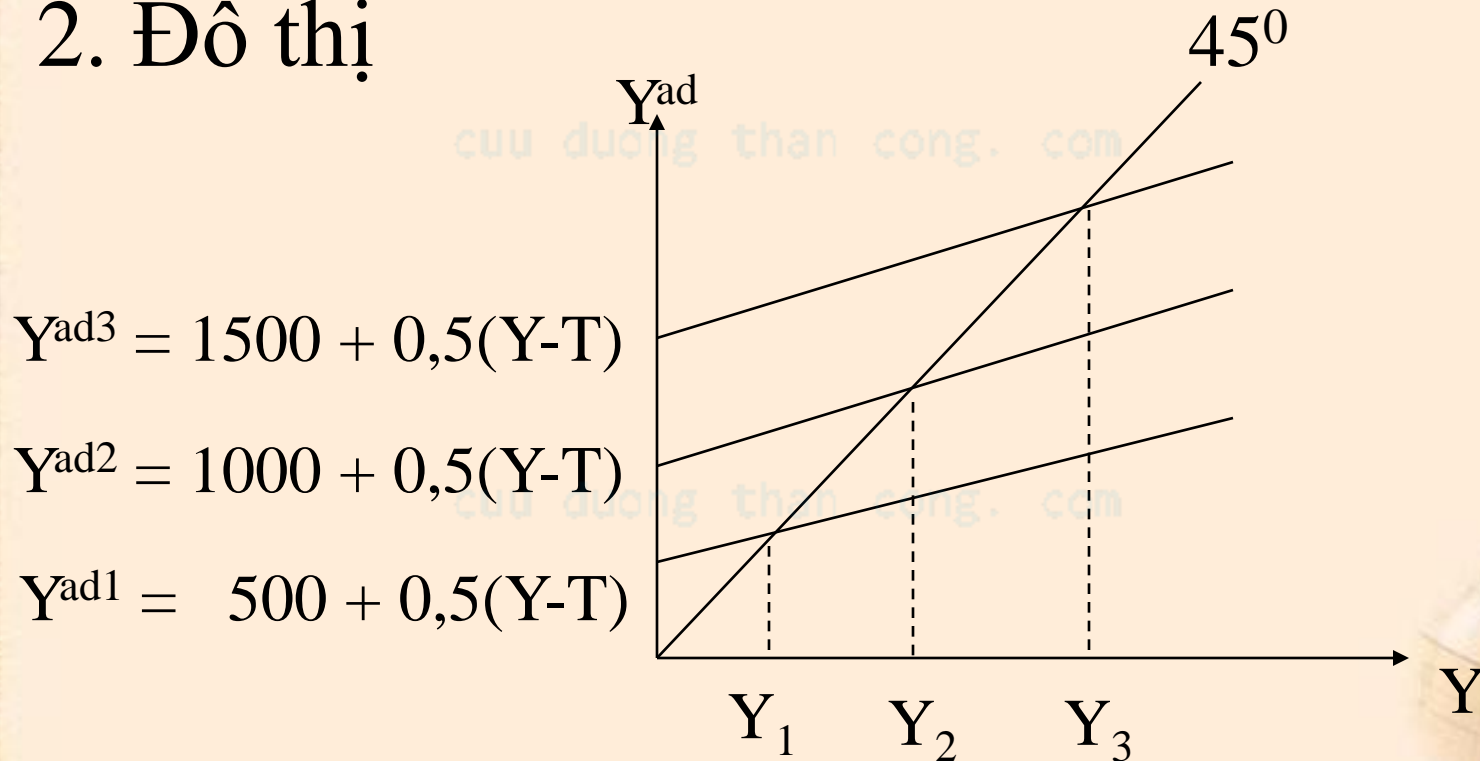
2. CSTT & CSTC trong mô hình ISLM

- *Những nhân tố làm chuyển dịch đường IS*
- *Những nhân tố làm chuyển dịch đường LM*
- *Tác động của CSTT*
- *Tác động của CSTC*
- *Hiệu quả của CSTT & CSTC*



ĐỒ HÌNH CHÉO CỦA KEYNES

1. Xác định quan hệ tổng cung (Y) & tổng cầu (Y^{ad}) dựa vào đường 45^0
2. Đồ thị



CÁC NHÂN TỐ CẤU THÀNH TỔNG CẦU (Y^{ad})

$$Y^{ad} = C + I + G + NX$$

C: chi tiêu cho tiêu dùng

I: chi tiêu cho đầu tư

G: chi tiêu của Chính phủ

NX: chi tiêu cho xuất nhập khẩu

T: thuế

(đây là các nhân tố tự định)



XÂY DỰNG MÔ HÌNH ISLM

1. Cân bằng trên thị trường hàng hoá - đường IS

- *Ảnh hưởng của lãi suất đến cầu đầu tư (I) & xuất khẩu ròng (NX)*
- *Xây dựng đường IS*
- *Ý nghĩa đường IS*

2. Cân bằng trên thị trường tiền tệ - đường LM

- *Ảnh hưởng của tổng sản phẩm tới lãi suất*
- *Xây dựng đường LM*
- *Ý nghĩa đường LM*

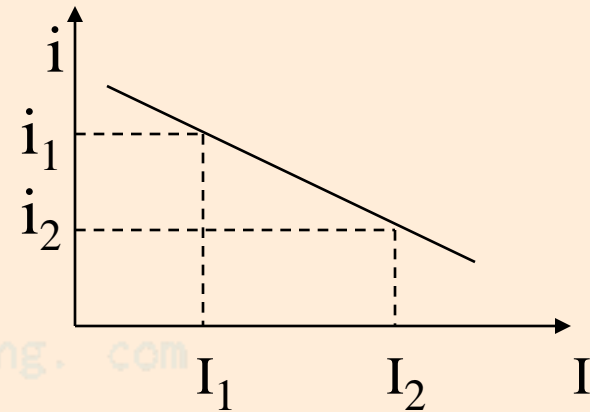
3. Mô hình ISLM



ẢNH HƯỞNG CỦA LÃI SUẤT TỚI CẦU (I) & (NX)

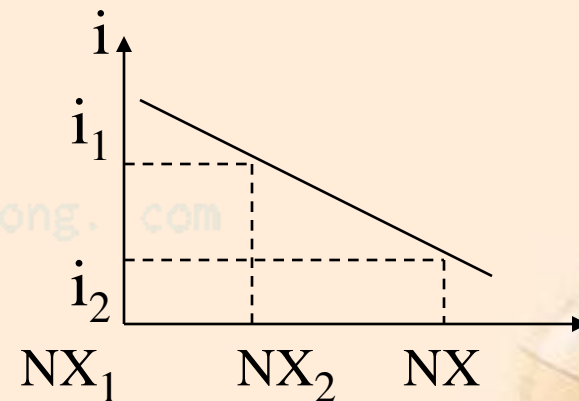
1. Lãi suất & cầu đầu tư (I)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \leftrightarrow I_1 < I_2$



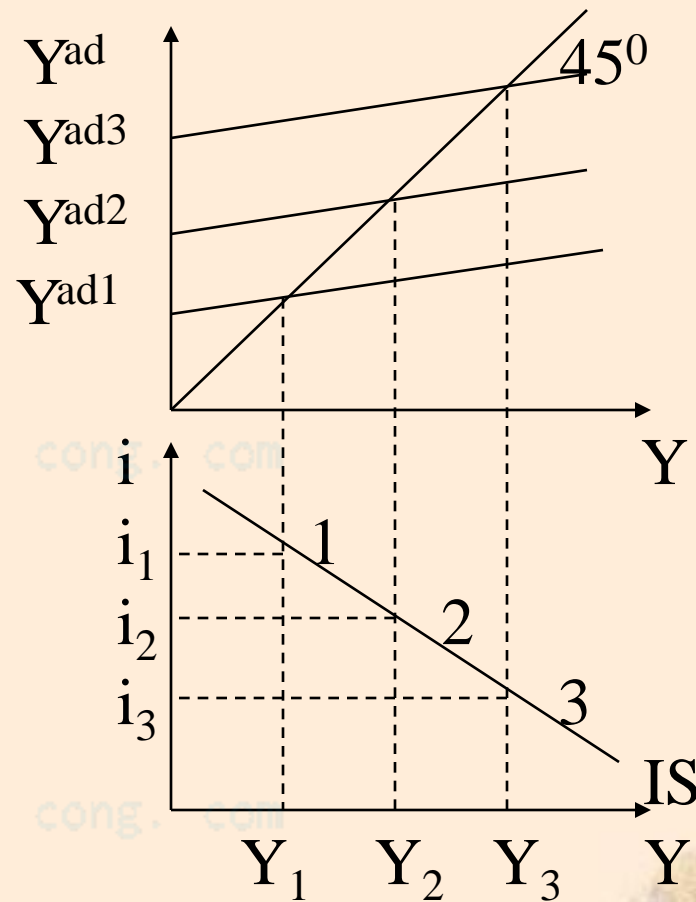
2. Lãi suất & cầu xuất nhập khẩu (NX)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \leftrightarrow NX_1 < NX_2$



XÂY DỰNG ĐƯỜNG IS

- $i_1 \rightarrow Y_1$
- $i_2 \rightarrow Y_2$
- $i_3 \rightarrow Y_3$
- Các điểm (1), (2) & (3) là đường IS



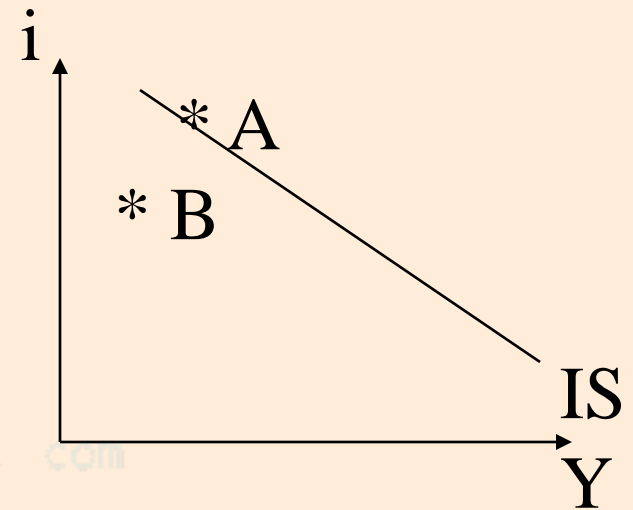
Ý NGHĨA ĐƯỜNG IS

- IS là tập hợp những điểm cân bằng trên TT-SP theo đó tổng lượng hàng hoá sx ra bằng tổng lượng hàng hoá được yêu cầu ($Y = Y^{ad}$)
- IS là đường dốc xuống, phản ánh quan hệ nghịch giữa lãi suất (i) & sản lượng (Y)
- IS phản ánh xu hướng vận động của TT-SP khi biết xu hướng vận động của lãi suất (i) là luôn trở về IS



XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA TT-SP

1. Tại A, bên phải IS \rightarrow
 $Y > Y^{ad}$, dư cung hàng
hoá \rightarrow hàng tồn kho tăng
 \rightarrow I giảm \rightarrow Y giảm & (A)
trở về IS

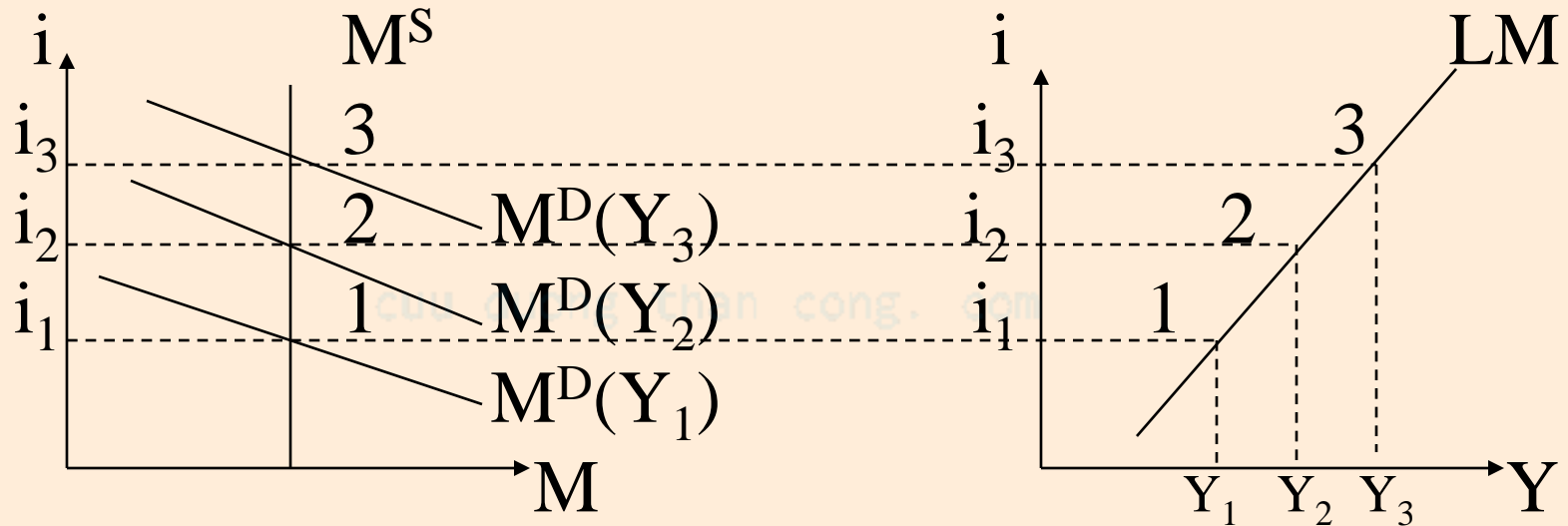


2. Tại B, bên trái IS \rightarrow $Y < Y^{ad}$, dư cầu hàng hoá
 \rightarrow giảm hàng tồn kho \rightarrow I tăng \rightarrow Y tăng & (B)
trở về IS



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - ĐƯỜNG LM

Đồ thị



M^S độc lập (i) $\rightarrow M^S // (i)$. M^D quan hệ nghịch (i) $\rightarrow M^D$ dốc xuống đảm bảo khi (i) tăng $\rightarrow M^D$ tăng. Kết quả khi $(i_1) < (i_2) < (i_3) \rightarrow (Y_1) < (Y_2) < (Y_3)$ ứng với các mức cầu tiền $(M^{D1}) < (M^{D2}) < (M^{D3})$

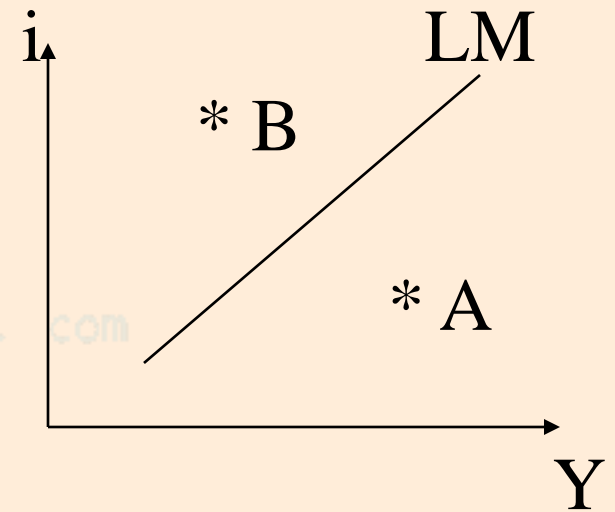
Ý NGHĨA CỦA ĐƯỜNG LM

1. LM là tập hợp những điểm cân bằng trên TT-TT. ($M^S = M^D$) tại những mức lãi suất khác nhau
2. LM là đường dốc lên, biểu hiện quan hệ thuận giữa (i) & (Y)
3. LM phản ánh xu hướng vận động của TT-TT là luôn trở về LM



XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA TT-TT

1. Tại A, phải LM \rightarrow
 $M^D > M^S$, dư cầu
tiền \rightarrow bán TK'
 $\rightarrow B^S$ tăng, giá TK'
 \rightarrow giảm, (i) tăng, (I) giảm
 $\rightarrow Y$ & M^D giảm \rightarrow LM



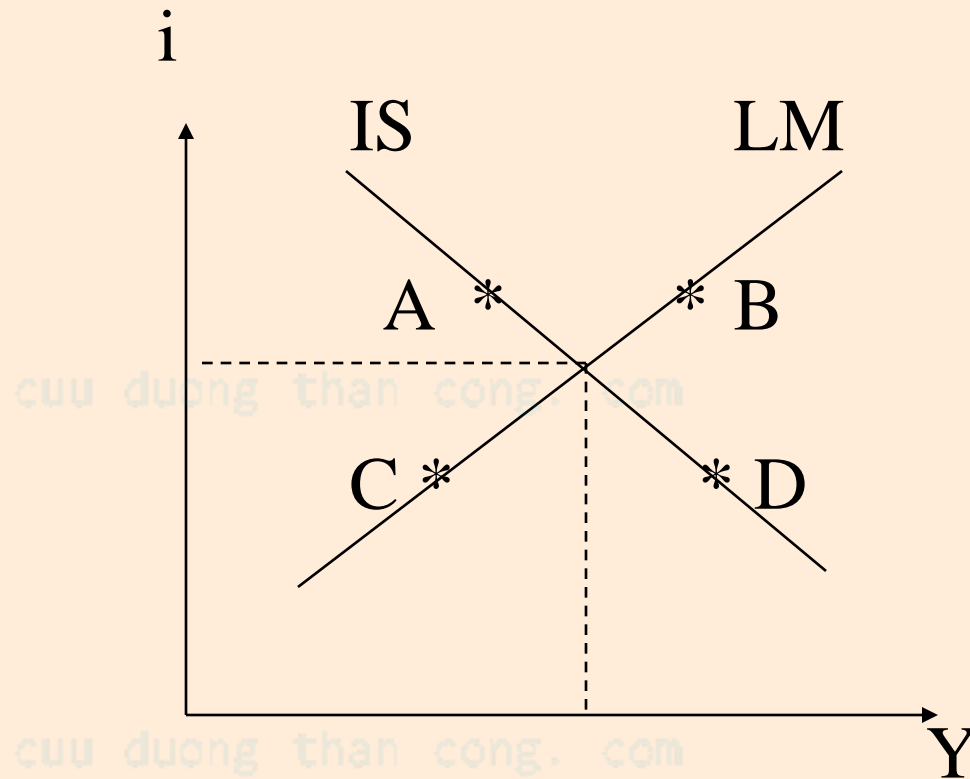
2. Tại B, trái LM $\rightarrow M^D > M^S$, dư cung tiền \rightarrow mua
TK', B^D tăng, giá TK' tăng, (i) giảm & (I) tăng \rightarrow
 Y & M^D tăng \rightarrow LM

MÔ HÌNH ISLM

1. Là sự kết hợp của 2 đường IS & LM trong quan hệ giữa (i) & (Y)
2. Tại E, khi IS cắt LM nền kinh tế đạt vị trí cân bằng, xác định (i^*) & (Y^*) . Lúc này, ta có cả cân bằng trên TT-SP ($Y = Y^{ad}$) & TT-TT ($M^S = M^D$)
3. Chú ý: (Y^*) không nhất thiết là Y^n
4. E, phản ánh xu hướng vận động của nền kinh tế là luôn trở về điểm cân bằng



MÔ HÌNH ISLM



XU HƯỚNG

VẬN ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ

1. Tại A, trên IS & trái LM, cân bằng trên TT-SP & dư cung tiền trên TT-TT, mua TK', B^D tăng, P_b tăng & (i) giảm, (I) tăng, (Y) tăng, nền kinh tế vận động dọc theo IS \rightarrow E
2. Tại B, trên LM & phải IS, cân bằng trên TT-TT & dư cung hàng hoá, hàng tồn kho tăng, (I) giảm, (Y) giảm, (M^D) giảm \rightarrow B chuyển dịch dọc theo LM trở về E
3. Tại C, tương tự A nhưng ngược lại Tại C, tương tự A nhưng ngược lại
4. Tại D, tương tự B nhưng ngược lại

NHỮNG NHÂN TỐ THAY ĐỔI (i^*) & (Y^*)

1. Những nhân tố dịch chuyển IS

<u>Nhân tố</u>	<u>Xu hướng</u>	<u>Mức độ</u>
a (C)	(+)	Phụ thuộc độ co giãn của IS & số nhân của từng nhân tố tổng cầu
I	(+)	
G	(+)	
NX	(+)	
T	(-)	

2. Những nhân tố dịch chuyển LM

M^S	(+)	Phụ thuộc độ co giãn của (M^D) với (i)
M^D	(-)	

NHỮNG NHÂN TỐ

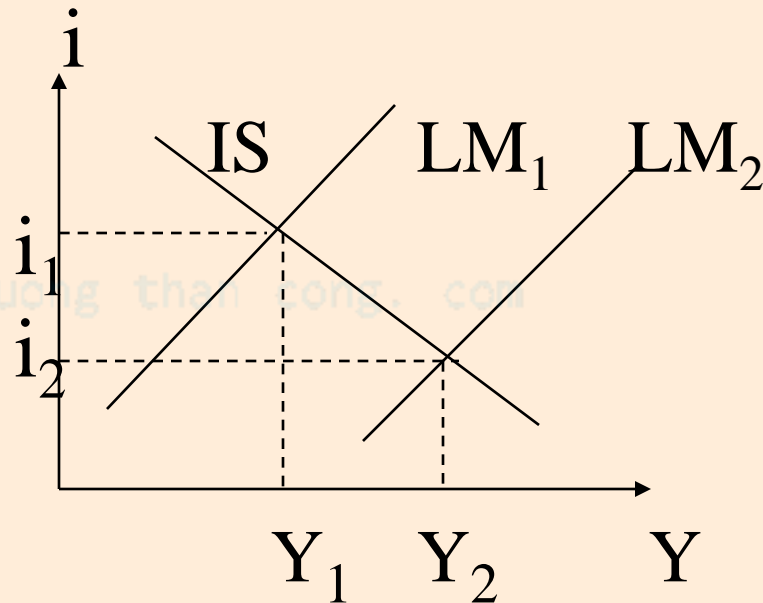
THAY ĐỔI (i^*) & (Y^*) (tiếp)

- Thay đổi của (i^*) & (Y^*) là kết quả chuyển dịch của cả IS & LM
- Tác động của chính sách tiền tệ
 - Công cụ: cung tiền (M_1) & (i)
 - Hậu quả làm thay đổi cả (i^*) & (Y^*) nhưng ngược chiều nhau
- Tác động của chính sách tài chính
 - Công cụ: (T) & (G)
 - Hậu quả cũng làm thay đổi cả (i^*) & (Y^*) nhưng cùng chiều với nhau

TÁC ĐỘNG

CỦA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

CSTT mở rộng, tăng cung tiền M_1



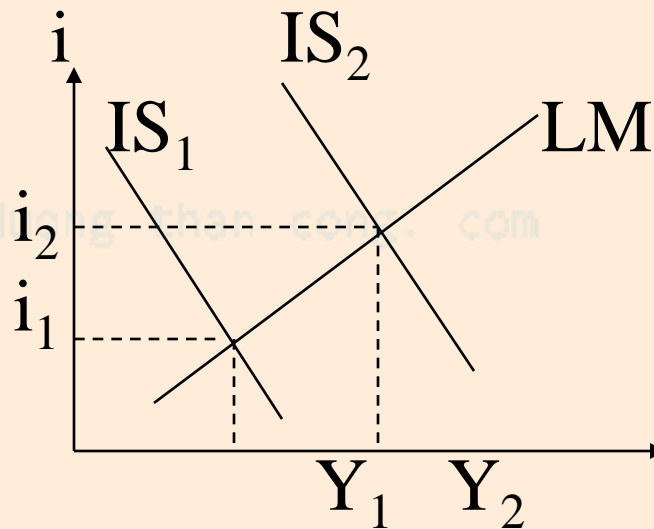
$$i_1 > i_2 \longleftrightarrow Y_1 < Y_2$$



TÁC ĐỘNG

CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

CSTC mở rộng, tăng chi tiêu Chính phủ G



$$i_1 < i_2 \leftrightarrow Y_1 < Y_2$$



TỔNG HỢP CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN (i^*) & (Y^*)

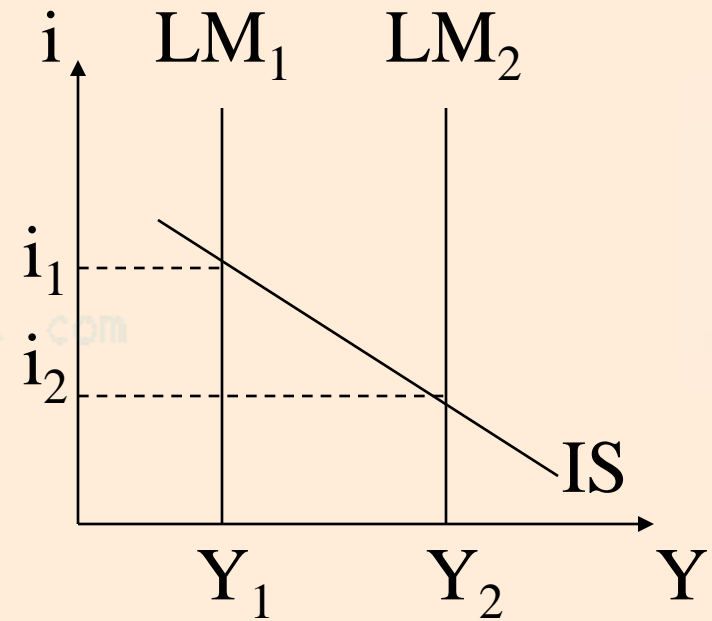
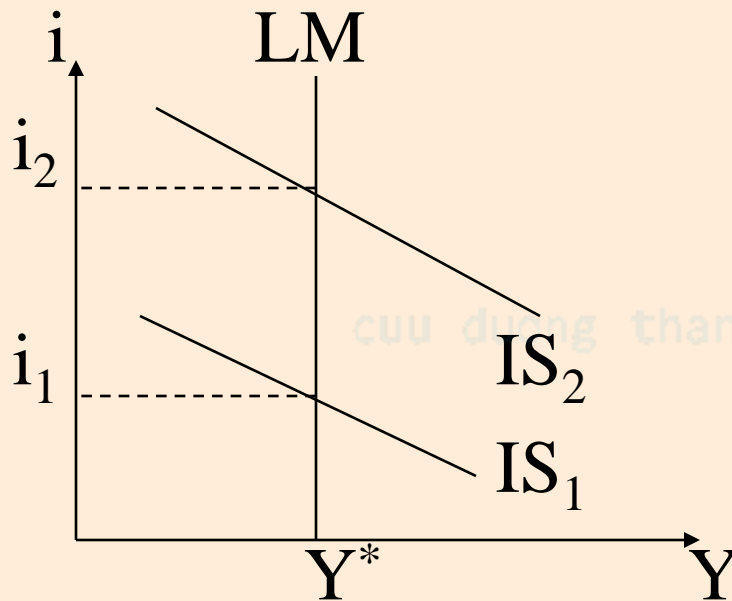
<u>Nhân tố</u>	<u>Đáp lại của i^* & Y^*</u>	<u>Lý do</u>
C tăng	Y tăng & (i) tăng	C tăng, Y^{ad} tăng, IS df
I tăng	Y tăng & (i) tăng	I tăng, Y^{ad} tăng, IS df
G tăng	Y tăng & (i) tăng	G tăng, Y^{ad} tăng, IS df
NX tăng	Y tăng & (i) tăng	NX tăng, Y^{ad} tăng, IS df
T tăng	Y giảm & (i) giảm	T tăng, Y^{ad} giảm, IS dt
M^S tăng	Y tăng & (i) giảm	M^S tăng, (i) giảm, LM df
M^D tăng	Y giảm & (i) tăng	M^D tăng, (i) tăng, LM dt



CSTT CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTC

- Xét trường hợp M^D hoàn toàn không co giãn với lãi suất \rightarrow LM thẳng đứng $//(i) \rightarrow$ CSTC như tăng (G) hoặc giảm (T) đều hoàn toàn không có hiệu quả. Nhưng CSTT lại hoàn toàn có hiệu quả. (M_1) tăng \rightarrow LM sang phải $\rightarrow (i^*)$ giảm & (Y^*) tăng
- Khái quát \rightarrow Kết luận: khi cầu tiền càng ít co giãn, ít nhạy cảm với lãi suất bao nhiêu, CSTT càng có hiệu quả hơn CSTC bấy nhiêu

CSTT CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTC (tiếp)



cuu duong than cong. com

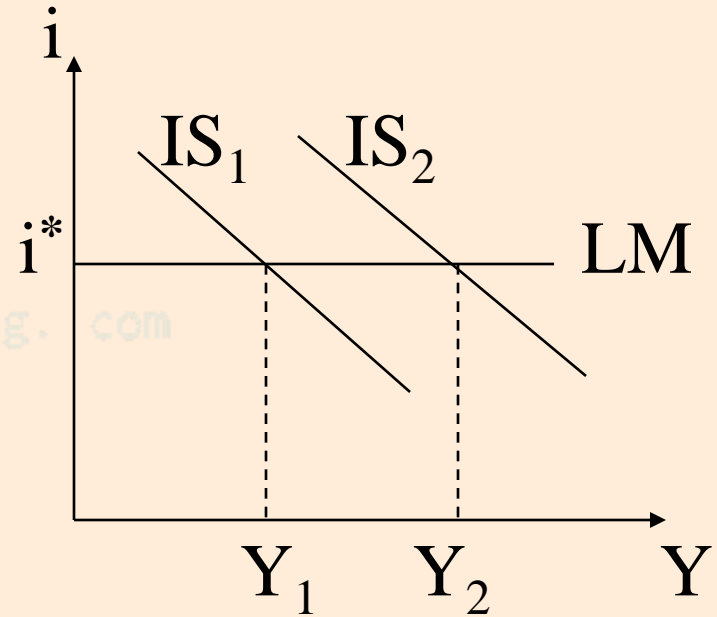
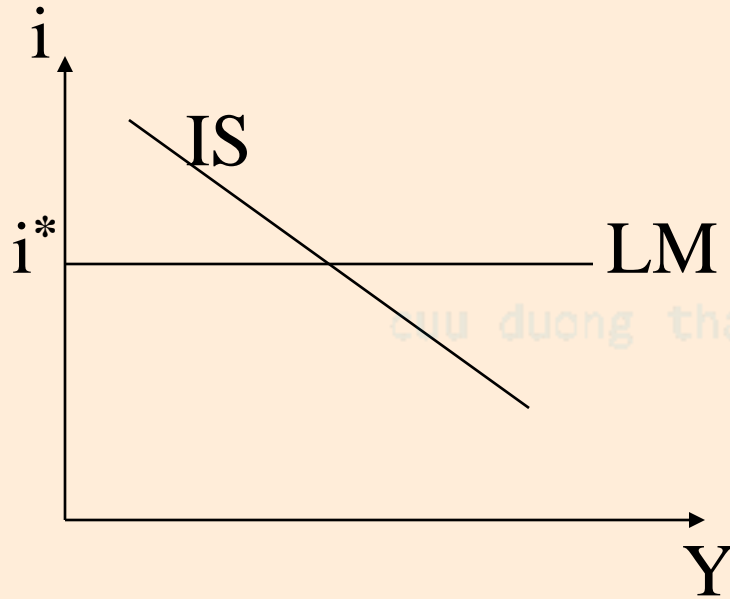


CSTC CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTT

- Xét trường hợp M^D hoàn toàn co giãn với lãi suất \rightarrow LM nằm ngang, xuất hiện “*bẫy tiền mặt*” \rightarrow CSTT hoàn toàn không có tác dụng. Còn CSTC như tăng (G) hoặc giảm (T) lại hoàn toàn có hiệu quả. (G) tăng \rightarrow IS sang phải \rightarrow (i^*) không thay đổi & (Y^*) tăng
- Khái quát \rightarrow Kết luận: khi cầu tiền càng co giãn, nhạy cảm với lãi suất bao nhiêu, CSTC càng có hiệu quả hơn CSTT bấy nhiêu



CSTC CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTT (tiếp)



cuu duong than cong. com



HIỆU QUẢ CỦA CSTT & CSTC

Để xác định tính hiệu quả của CSTT & CSTC, các nhà hoạch định chính sách cần hết sức quan tâm đo lường chính xác độ co giãn của cầu tiền với lãi suất

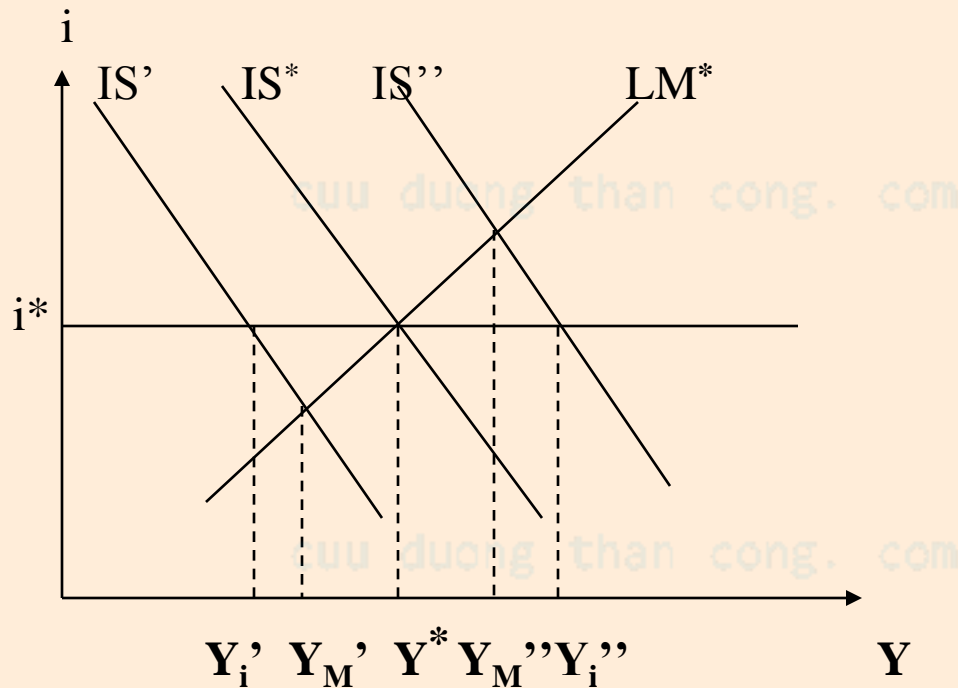
cuu duong than cong. com



LỰA CHỌN

MỤC TIÊU CỦA CSTT LÀ (M_1)

Trường hợp, TT-SP dao động nhiều hơn TT-TT

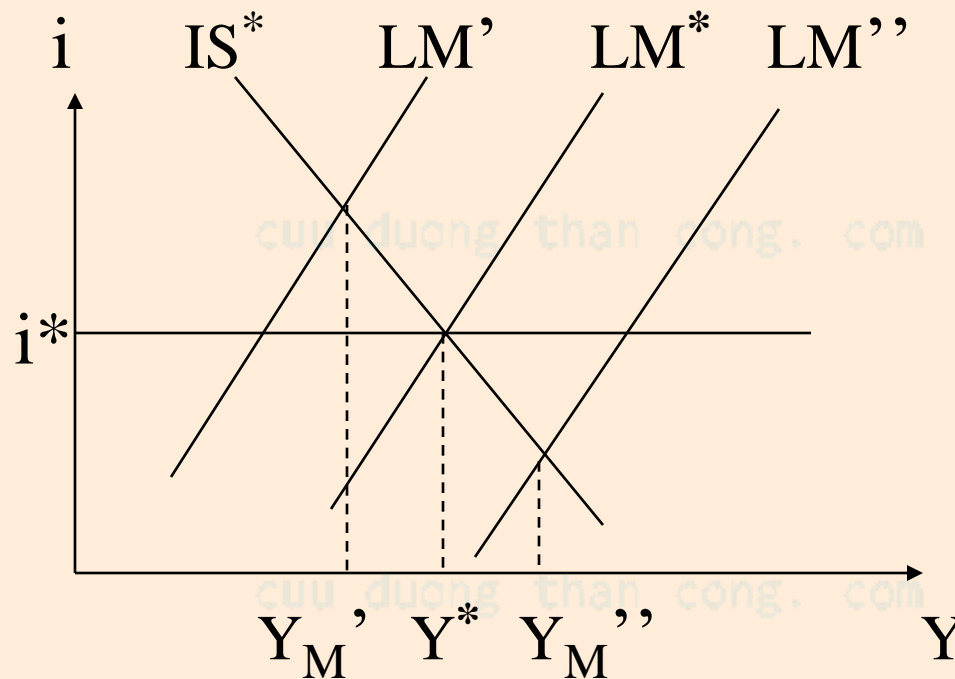


Chọn ổn định (M_1) sẽ làm nền kinh tế biến động ít hơn

LỰA CHỌN

MỤC TIÊU CỦA CSTT LÀ (i)

Trường hợp, TT-TT dao động nhiều hơn TT-SP



Chọn ổn định (i) có khả năng ổn định nền kinh tế

PHÂN TÍCH (AS)-(AD) & KHẢ NĂNG TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

- Tổng cầu (AD)
 - *Lập đường tổng cầu*
 - *Phân tích tổng cầu*
- Tổng cung (AS)
 - *Lập đường tổng cung*
 - *Phân tích tổng cung*
- Cân bằng & khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế
 - *Cân bằng trong ngắn hạn (SR)*
 - *Cân bằng trong dài hạn (LR)*
 - *Cơ chế tự điều chỉnh của nền kinh tế*



LẬP ĐƯỜNG TỔNG CẦU (AD)

1. Tương quan giữa tổng cầu với LM: đường AD

- *Quan hệ mức giá (P) & sản lượng (Y)*
- *Quan hệ (P) & cầu tiền thực tế (M^D/P)*
- *Quan hệ cầu tiền (M^D) & cung tiền (MS)*
- *Quan hệ giữa LM & AD*
- *Tương quan giữa mô hình ISLM & mô hình AD-AS*

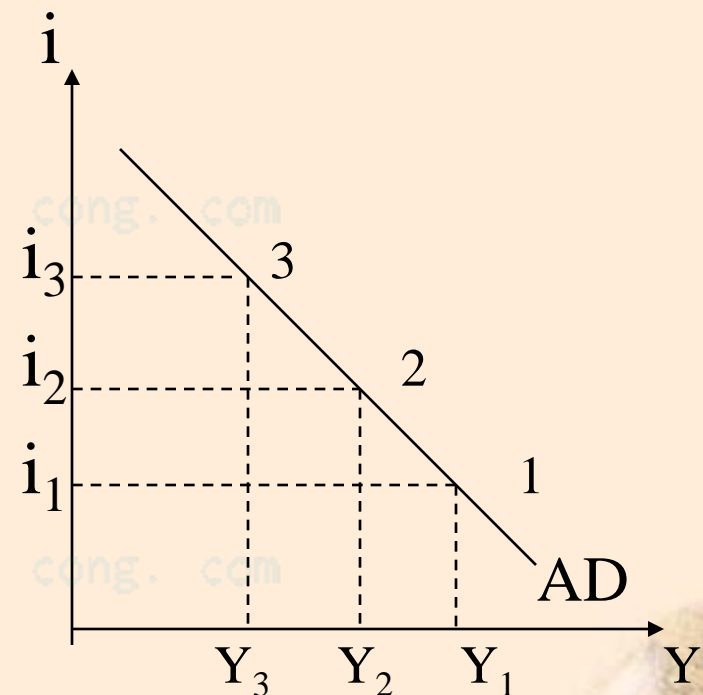
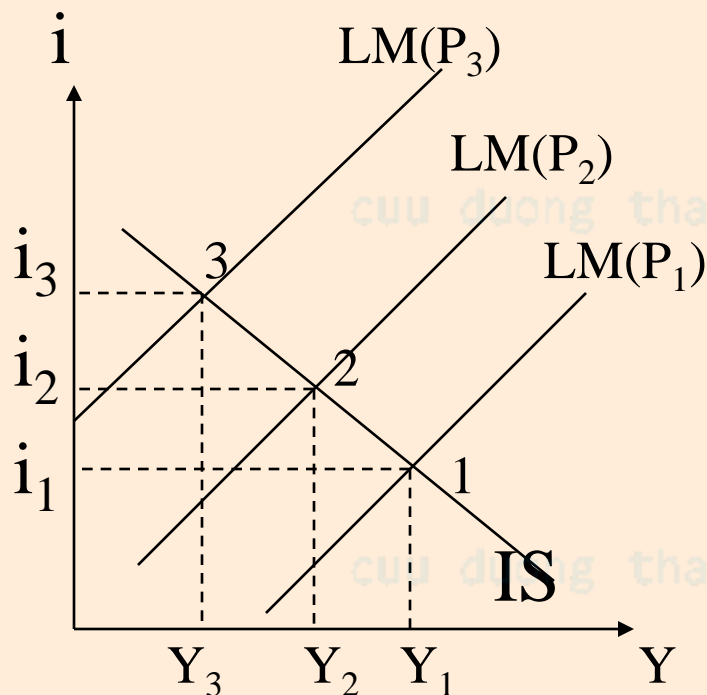
2. Sự dịch chuyển của đường tổng cầu (AD)

- *Do các nhân tố làm chuyển dịch IS*
- *Do các nhân tố làm chuyển dịch LM*



XÂY DỰNG ĐƯỜNG AD

Quan hệ mô hình ISLM & mô hình AD-AS



DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD

1. Do các nhân tố dịch chuyển IS

- *C tăng, IS & AD đều dịch phải*
- *I tăng, IS & AD đều dịch phải*
- *G tăng, IS & AD đều dịch phải*
- *NX tăng, IS & AD đều dịch phải*
- *T tăng, IS & AD đều dịch trái*

2. Do các nhân tố dịch chuyển LM

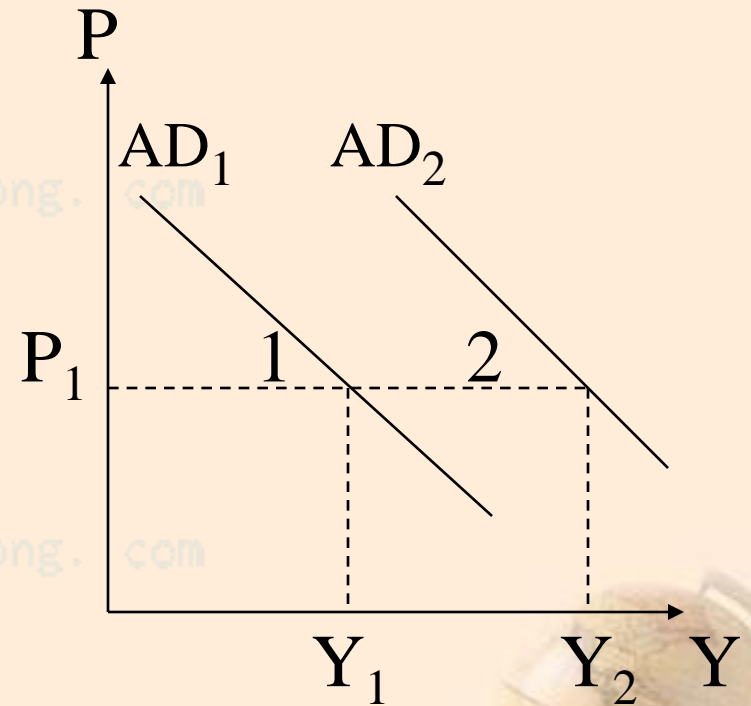
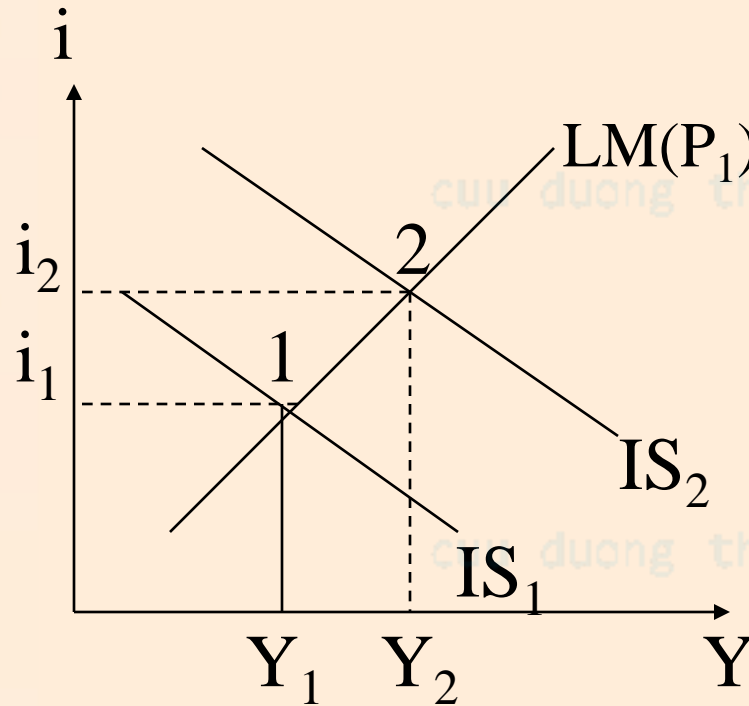
- *M_1 tăng, LM & AD dịch phải*
- *M^D tăng, LM & AD dịch trái*



DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD

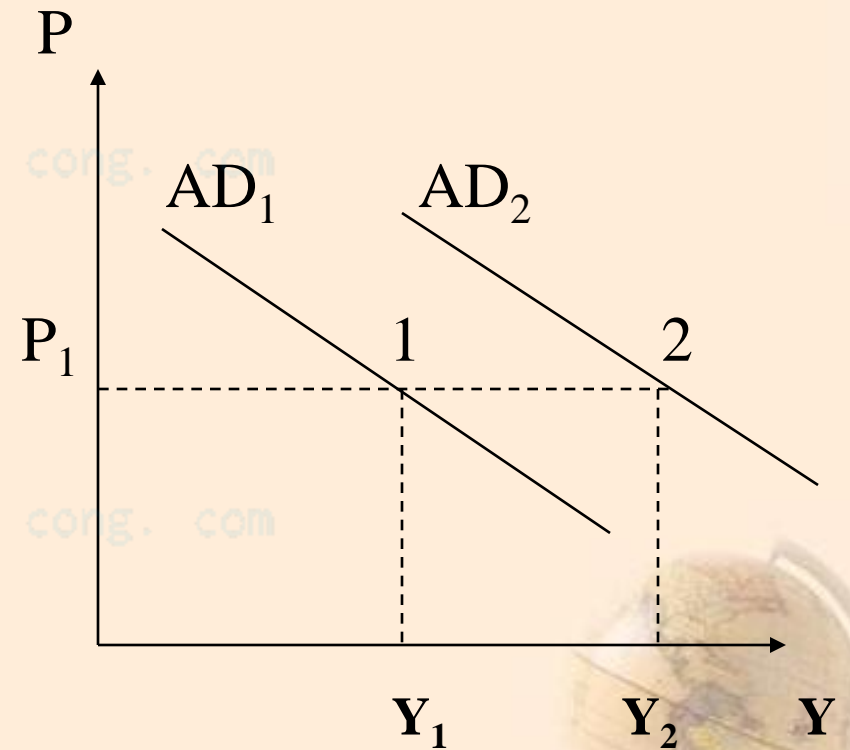
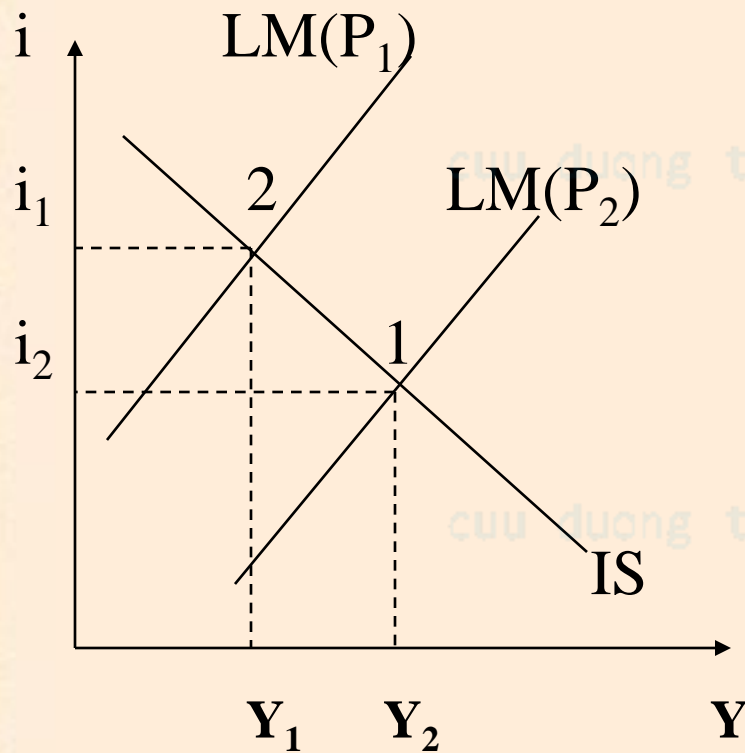
(đồ thị đường IS dịch chuyển)

Tác động của C, I, G, NX tăng & T giảm



DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD (đồ thị đường LM dịch chuyển)

Tác động của M_1 tăng & M^D giảm



PHÂN TÍCH TỔNG CẦU (AD)

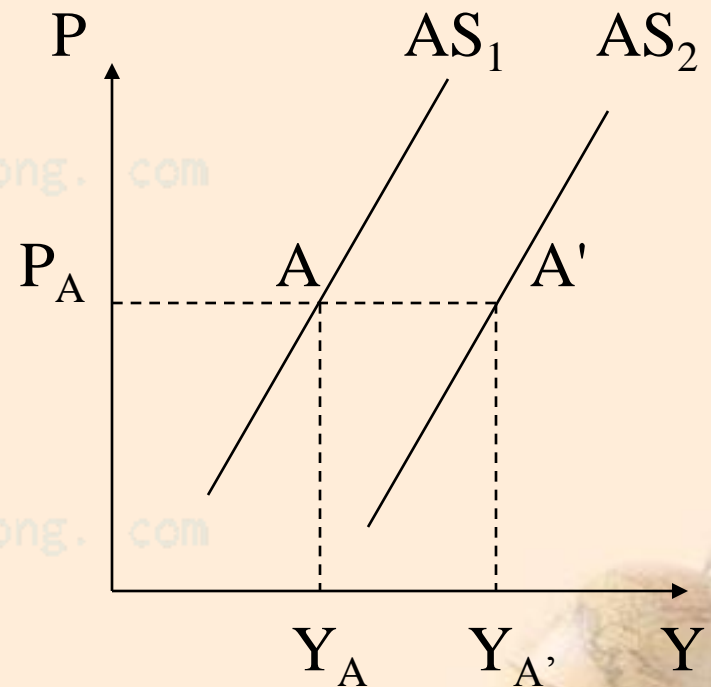
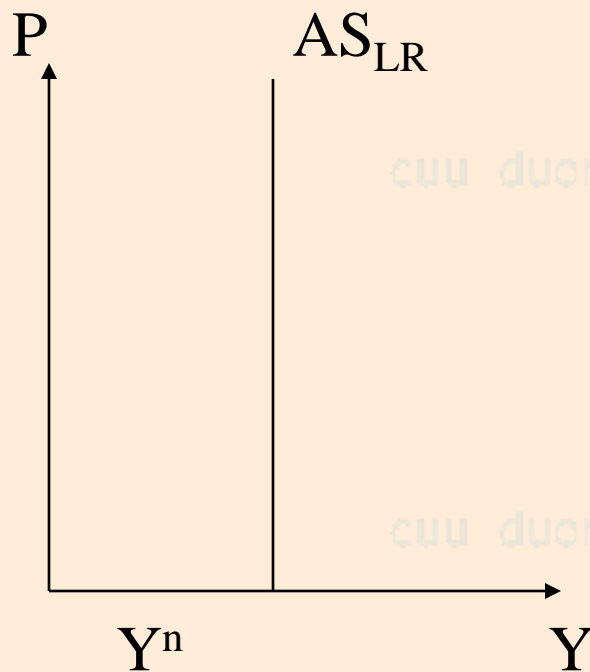
- P giảm \rightarrow M^D/P tăng \rightarrow I & NX tăng \rightarrow Y & Y^{ad} tăng
- Các nhân tố khác tương tự

cuu duong than cong. com



LẬP ĐƯỜNG TỔNG CUNG (AS)

Trong AS_{SR} phản ánh quan hệ thuận giữa giá & sản lượng



DỊCH CHUYỂN CỦA AS

- Giá của các yếu tố đầu vào tăng → chi phí sản xuất tăng khi giá sản phẩm (đầu ra) không đổi → lợi nhuận giảm, hãng thu hẹp sản xuất → AS dịch trái → sản lượng (Y) giảm tại mỗi mức giá (P)
- Ngược lại, khi giá của các yếu tố đầu vào giảm → chi phí sản xuất giảm, lợi nhuận tăng, hãng mở rộng sản xuất → AS dịch phải & sản lượng (Y) tăng ở mỗi mức giá (p)

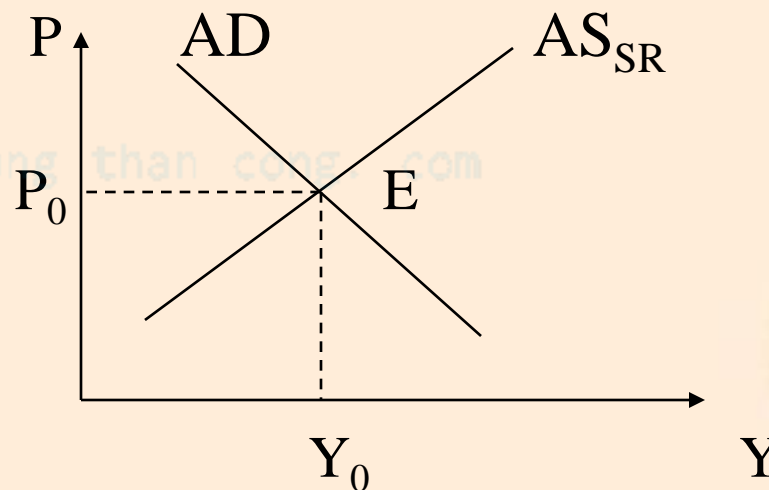


CÂN BẰNG TRONG

MÔ HÌNH AS – AD NGẮN HẠN

1. Cân bằng trong ngắn hạn (SR) là sự kết hợp của AS_{SR} & AD, xác định điểm cân bằng (E) của nền kinh tế tại một mức giá nhất định. Tại E có P_0 & Y_0 (giá & sản lượng cân bằng), là điểm phản ánh xu hướng vận động của nền kinh tế

2. Đồ thị

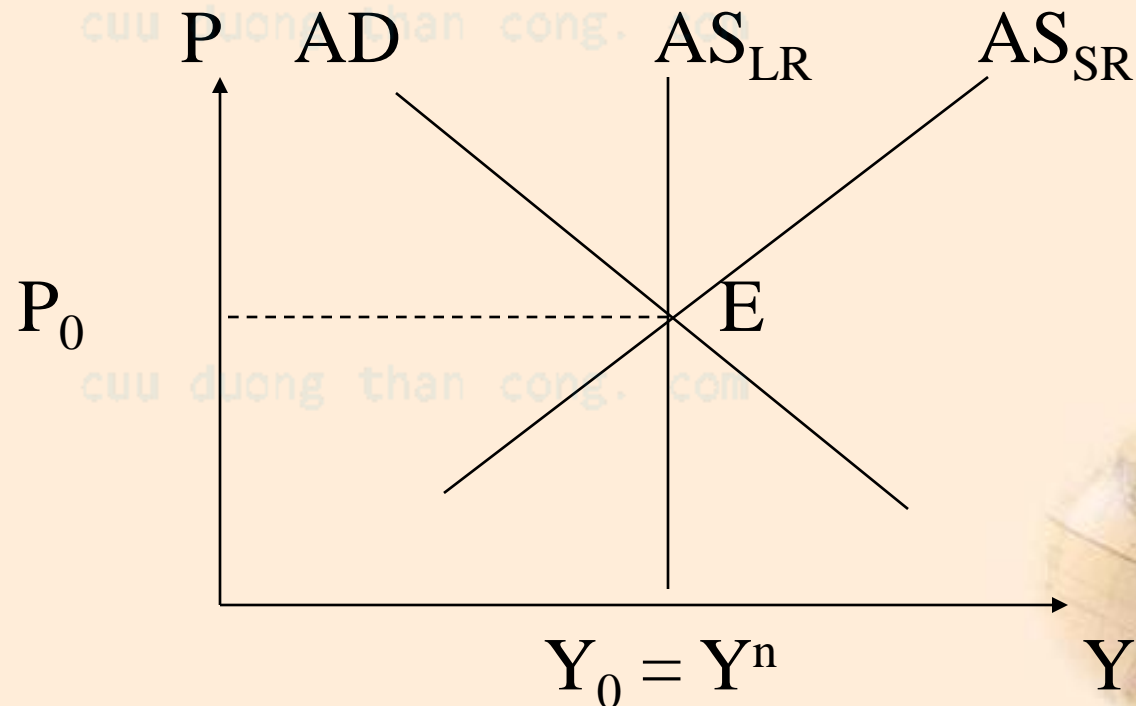


CÂN BẰNG

TRONG MÔ HÌNH AS – AD DÀI HẠN

1. Cân bằng trong dài hạn (LR) là sự kết hợp của cả AD , AS_{SR} & AS_{LR} , xác định điểm cân bằng (E) của nền kinh tế tại điểm $Y = Y^n$ với mức $U = U^n$

2. Đồ thị



CƠ CHẾ

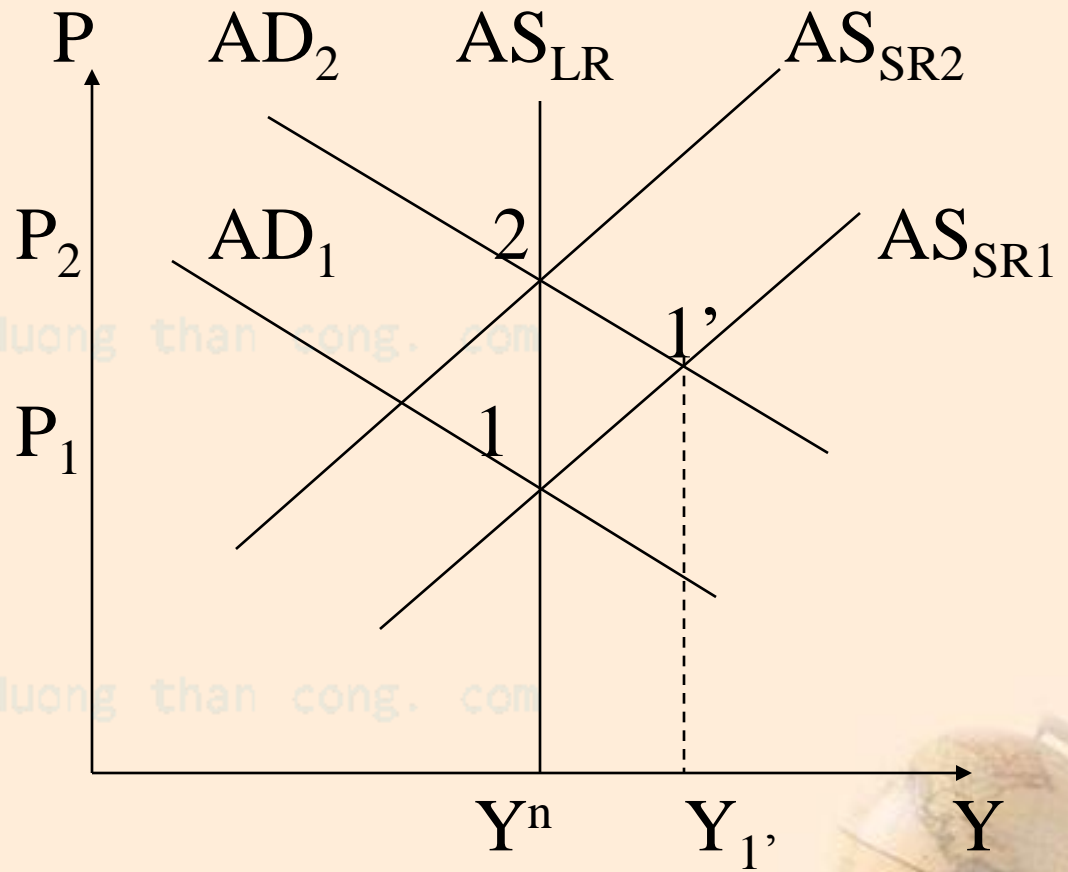
TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

Chuyển dịch của AD

- AD chuyển dịch sang phải khi các nhân tố M_1 , C , I , G , NX tăng lên & M^D , T giảm đi $\rightarrow Y^n$ tăng đến Y_1 , đồng thời P cũng tăng từ $P_1 \rightarrow P_2$. Nhưng P tăng $\rightarrow W$ (tiền lương) tăng & làm AS giảm từ AS_1 sang AS_2 , kéo Y trở lại Y^n . Kết quả là chỉ có P tăng & có thể \rightarrow lạm phát
- AD chuyển dịch sang trái khi các nhân tố thay đổi ngược lại. Và kết quả thu được cũng chỉ là mức giá giảm

CHUYỂN DỊCH CỦA ĐƯỜNG AD

(đồ thị)



CƠ CHẾ

TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

Chuyển dịch của đường AS

1. Những nhân tố chuyển dịch AS

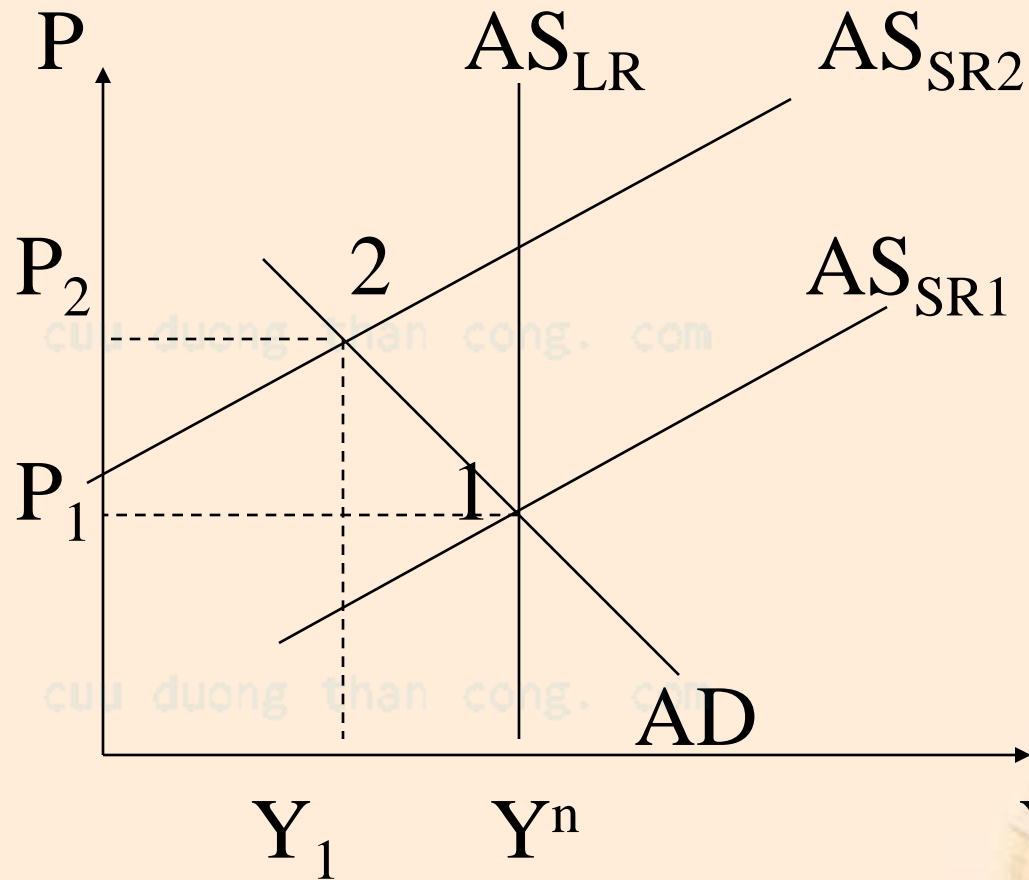
- *Tình trạng của thị trường lao động*
- *Dự đoán về lạm phát*
- *Công nhân đòi tăng lương*
- *Tăng các chi phí sản xuất khác*

2. Tác động

*Các nhân tố làm chi phí sản xuất tăng \rightarrow AS giảm, dịch trái \rightarrow giảm (Y) & tăng $(P) \rightarrow (Y) < (Y^n)$ & $(U) > (U^n)$.
Nền kinh tế tự điều chỉnh để trở về $(Y^n & U^n)$*

ĐỒ THỊ

CHUYỂN DỊCH CỦA ĐƯỜNG AS



Ý NGHĨA

CỦA VIỆC PHÂN TÍCH AS - AD

- Giúp giải thích về khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế khi xảy ra mất cân bằng
- Là công cụ hữu hiệu giải thích về tính chất của chu kỳ kinh doanh
- Giúp giải thích khả năng tự điều chỉnh cân bằng ngoại khi có tác động của việc dựng lên hoặc bỏ đi các hàng rào thuế quan & phi thuế quan

TIỀN TỆ & LẠM PHÁT

1. Lạm phát & những nhân tố ảnh hưởng

- *Khái niệm*
- *Những nhân tố ảnh hưởng*

2. Chính sách tiền tệ lạm phát

- *Chỉ tiêu có mức thất nghiệp thấp & lạm phát*
- *Thâm hụt Ngân sách & lạm phát*



KHÁI NIỆM LẠM PHÁT

- Lạm phát bao giờ & ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ
- Lạm phát là hiện tượng tăng giá kéo dài
- Lạm phát là hiện tượng phổ biến trong nền kinh tế các nước & là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các Chính phủ



NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI LẠM PHÁT

- Chính sách tiền tệ
- Chính sách tài khoá
- Chính sách việc làm
- Các cú sốc từ nền kinh tế

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



CHỈ TIÊU

CÓ NHIỀU VIỆC LÀM & LẠM PHÁT

1. Mục tiêu \rightarrow có mức thất nghiệp thấp

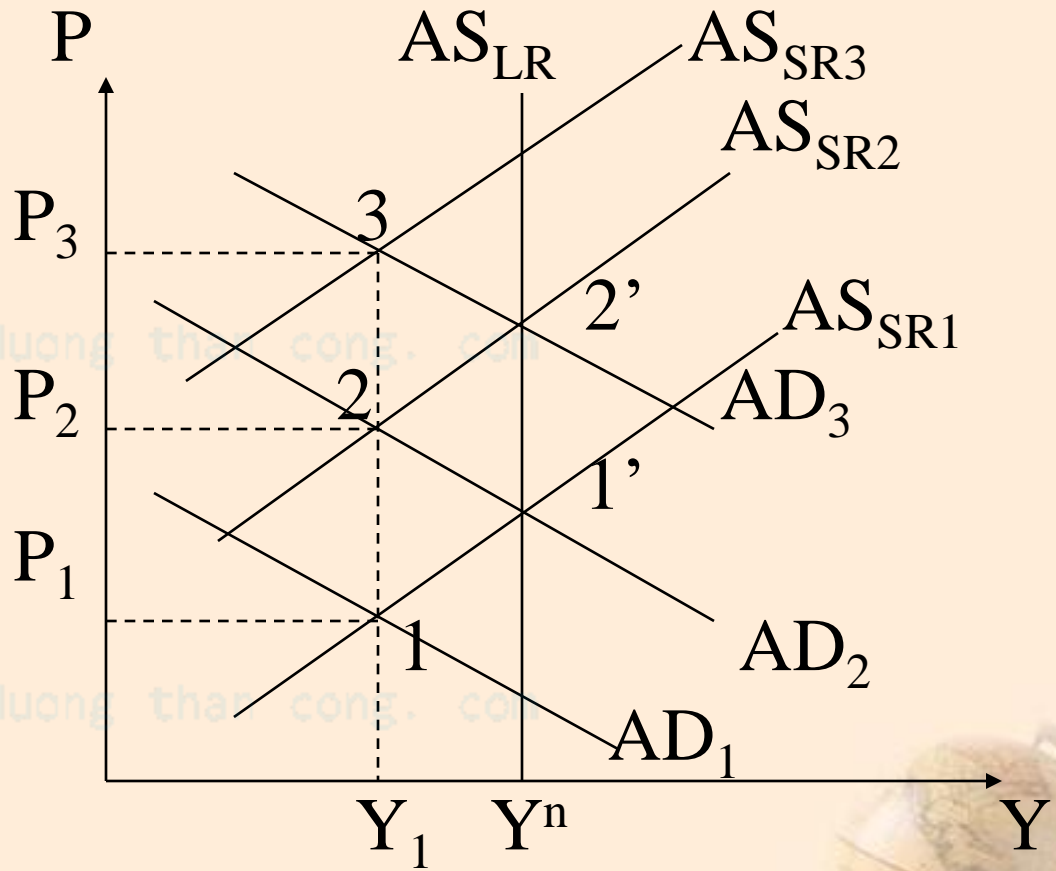
2. Phương pháp

- Áp dụng CSTC mở rộng
- Áp dụng CSTT mở rộng

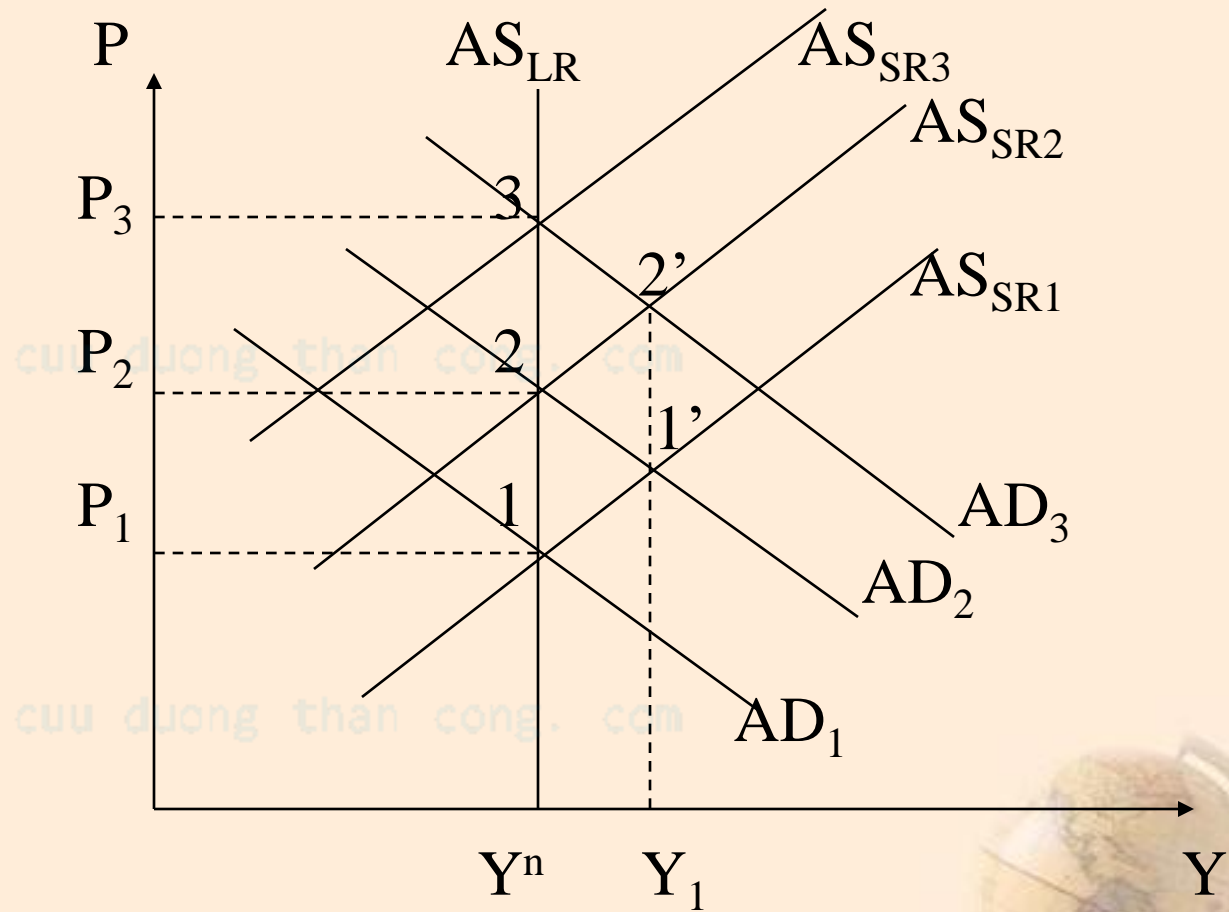
3. Hậu quả

- Lạm phát chi phí đẩy xảy ra khi Chính phủ muốn đạt mức thất nghiệp $= (U^n)$, đồ thị (1)
- Lạm phát cầu kéo xảy ra khi Chính phủ muốn đạt mức thất nghiệp $< (U^n)$, đồ thị (2)

ĐỒ THỊ (1), LẠM PHÁT CHI PHÍ ĐẦY



ĐỒ THỊ (2), LẠM PHÁT CẦU KÉO



THÂM HỤT NGÂN SÁCH & LẠM PHÁT

1. Các biện pháp tài trợ thâm hụt Ngân sách

- *Bán trái khoán (1)*
- *Tăng thuế (2)*
- *In tiền (3)*

2. Hậu quả

- *Không ảnh hưởng đến cung tiền*
- *Không ảnh hưởng đến cung tiền*
- *Tác động mở rộng cung tiền → lạm phát*



BÀI TẬP TẠI LỚP

1. Sử dụng mô hình ISLM, giải thích sự khác nhau giữa việc tăng chi tiêu của Nhà nước được trang trải bằng bán trái phiếu cho Công chúng với việc trang trải bằng cách in tiền? Hãy chỉ ra bằng đồ thị ảnh hưởng của nó đối với mức lãi suất & tổng sản phẩm cân bằng?
2. Tại sao các nhà kinh tế lại quan tâm đến việc đo lường chính xác độ co giãn của cầu tiền?

